

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2023/HS - ST  
Ngày: 19 - 4 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Anh Vũ

2. Ông Phạm Văn Ngải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST - HS, ngày 20 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2023/ HSST-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với:

**- Bị cáo:** Phạm Ngọc Nhân Q, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1997. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1970 và bà Hồ Thị C, sinh năm 1969; anh chị em ruột có 01 người sinh năm 2004; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 10/02/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. em Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 16/5/2007; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Kiều T1:* ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Kiều T1:* bà Lục Khả T3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. em Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 16/6/2011; Nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh Đ1:* bà Phạm Thị H1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Minh Đ:* bà Kim Thị Mỹ H2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

3. chị Đồng Thị Diễm T4, sinh năm 1992; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. ông Dương Văn C1 sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. bà Phạm Thị N1, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. ông Phạm Minh T5, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. chị Hồ Thị Yến N2, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Khóm 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

5. bà Hồ Thị C2, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Khóm 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

6. bà Dương Thị Thuý L, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. bà Lê Thị Đ2, sinh năm 1983; Nơi cư trú: A1, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

8. ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1953; Nơi cư trú: A2, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 07/02/2023, do không có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ATTLA màu đỏ-đen mang biển kiểm soát 71B1 – 594.05 từ nhà toạ lạc khóm 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh để tìm tài sản cướp giật. Khi lưu thông trên đường huyện đoạn thuộc ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh phát hiện em Nguyễn Minh Đ1 đang ngồi trên xe đạp điện dừng ven đường xem điện thoại, bị cáo quay đầu xe lại tiếp cận Nguyễn Minh Đ1. bị cáo giả vờ hỏi đường rồi mượn điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A12 của Nguyễn Minh Đ1 đang cầm trên tay để xem bản đồ, Nguyễn Minh Đ1 đưa điện thoại cho bị cáo Q, sau khi lấy được điện thoại bị cáo điều khiển xe bỏ chạy. Khi về gần đến nhà bị cáo dừng xe lại tháo sim và ốp lưng điện thoại vừa cướp giật được lúc này bị cáo phát hiện lực lượng Công an đến nên bị cáo Q vứt bỏ thẻ sim và ốp lưng điện thoại bỏ chạy thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q tự thú khai nhận ngoài thực hiện vụ cướp giết tài sản nêu trên còn thực hiện một vụ cướp giết tài sản và trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Vào khoảng hơn 19 giờ ngày 31/01/2023, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q một mình điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 71B1 – 594.05 từ nhà đến Khóm 6, thị trấn C, huyện C thì phát hiện em Phạm Văn Ng, sinh ngày 23/8/2006, cư ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 84AL – 025.29 chở theo em Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 16/5/2007, cư ngụ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh lưu thông hướng thị trấn C đi xã A cùng chiều với bị cáo Q. Khi đó, em Nguyễn Kiều T1 đang cầm trên tay phải điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng Gold, lúc này bị cáo Q nảy sinh ý định cướp giết điện thoại bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo Q tăng ga dùng tay trái giết lấy điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX của em Nguyễn Kiều T1 rồi nhanh chóng điều khiển xe mô tô tẩu thoát về hướng thành phố T và rẽ vào đường huyện về nhà. Đến nhà bị cáo Q bỏ điện thoại di động vừa cướp giết được vào cốp xe mô tô biển số 71B1 – 594.05 để cất giấu. Đến ngày 02/02/2023, bị cáo Q mang điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX cướp giết được của em Nguyễn Kiều T1 đến cửa hàng điện thoại di động M tọa lạc Khóm 5, thị trấn C bán cho ông Dương Văn C1, sinh năm 1985, cư ngụ ấp D 1, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chủ cửa hàng với giá 1.500.000 đồng. Bị cáo, Phạm Ngọc Nhân Q đi đặt cọc nhẫn cưới tại tiệm vàng Thuý L, tọa lạc Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh hết 500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo Q tiêu xài, đến khi bị bắt còn lại 770.000 đồng.

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng 08 giờ ngày 05/02/2023, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q một mình điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 71B1 – 594.05 từ nhà đến chợ C tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, sau đó bị cáo Q điều khiển xe máy đi xung quanh khu vực chợ để tìm tài sản lấy trộm, khi đến trước cửa nhà của bà Đặng M, sinh năm 1959 tọa lạc Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Q nhìn thấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G của chị Đồng Thị Diễm T4 là con ruột của bà Đặng M đang sạc pin để trên bàn ở nhà trên. Quan sát xung quanh không có người trông coi nên bị cáo Q dùng xe lại đi bộ vào nhà dùng tay lấy trộm điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G đang sạc của chị T4 rồi nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường đi, bị cáo Q dùng xe lại tháo sim và ốp lưng điện thoại ra vứt bỏ ven đường và bỏ điện thoại vừa lấy trộm được vào cốp xe và điều khiển về nhà. Đến ngày 06/02/2023 bị cáo Q đem điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G lấy trộm được của chị T4 đến cửa hàng điện thoại di động M bán cho ông Dương Văn C1 với giá 4.800.000 đồng.

Sau khi mua điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G ông Dương Văn C1 bán cho bà Phạm Thị N1, sinh năm 1961, cư ngụ khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá 6.000.000 đồng. Đến ngày 08/02/2023 bà N1 đã giao nộp điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G cho Cơ quan điều tra.

Bán được điện thoại, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q đem số tiền 4.800.000 đồng đi chụp ảnh cưới và đặt đồ cưới tại cửa hàng áo cưới T tọa lạc Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Minh T5 làm chủ. Bị cáo Q trả trước cho

ông T5 số tiền 2.000.0000 đồng, số tiền 2.800.000 đồng, còn lại bị cáo Q đã đánh rơi.

Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q đưa cho ông Phạm Minh T5, trong đó chi phí chụp ảnh cưới là 950.000 đồng, số tiền còn lại 1.050.000 đồng ông Phạm Minh T5 chuyển trả lại bà Hồ Thị C2 là di ruột của bị cáo Q. Sau đó, bà Hồ Thị C2 đưa lại số tiền trên cho Hồ Thị Yến N2 là vợ sắp cưới của bị cáo Q và Hồ Thị Yến N2 đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Ông Phạm Minh T5 đã giao nộp số tiền 950.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-ĐGTS, ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12 có giá là: 2.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-ĐGTS, ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng Gold, số IMEI 1: 353110102572518, số IMEI 2: 353110102667375 có giá là: 6.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-ĐGTS, ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G, số IMEI 1: 868062062059358, số IMEI 2: 868062062059341 có giá là: 9.500.000 đồng.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C đã thu giữ:

- Tạm giữ của bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q:
  - + Tiền VNĐ: 770.000 đồng (bảy trăm bảy mươi nghìn đồng);
  - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12, màu đen, số IMEI 1: 352884794224460; số IMEI 2: 353649454224467;
  - + 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 71B1 – 594.05, nhãn hiệu SYM, số loại ATTILA. màu sơn đỏ - đen;
  - + 01 (một) thẻ căn cước công dân tên Phạm Ngọc Nhân Q, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1997, nơi thường trú: Khóm 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số căn cước: 084097006974, cấp ngày 15 tháng 02 năm 2022;
  - + 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 71B1 – 594.05, nhãn hiệu SYM, số loại ATTILA. màu sơn đỏ - đen, số khung: 12HĐA022051, số máy: VTBBĐ022051.
- Tạm giữ của Dương Văn C1:
  - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng Gold, số IMEI 1: 353110102572518, số IMEI 2: 353110102667375, thẻ sim số 0783.973.720;
  - + 01 (một) tờ giấy biên nhận do bà Phạm Thị N1, sinh năm 1961, nơi thường trú: khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh viết ngày 08/02/2023. Là số tiền mà bà N1 đã đưa cho ông C1 khi mua điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G (bản chính);

- Tạm giữ của Phạm Thị N1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G, màu đen, số IMEI 1: 868062062059358, số IMEI 2: 868062062059341.

- Tạm giữ của Hồ Thị Yến N2: Tiền VNĐ: 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ của Phạm Minh T5 Tiền VNĐ: 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ của Dương Thị Thuỳ L: Tiền VNĐ: 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Tạm giữ của Nguyễn Minh Đ1: 01 (một) hộp điện thoại SAMSUNG GALAXY A12 bên trong hộp không có đồ vật, tài liệu, tài sản nào.

- Tạm giữ của Đồng Thị Diễm T4: 01 (một) hộp điện thoại OPPO Reno8 Z 5G bên trong hộp không có đồ vật, tài liệu, tài sản nào.

Xử lý vật chứng: Không.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-HS ngày 16/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q khai nhận: Vào khoảng 13 giờ ngày 07/02/2023, tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q đã có hành vi cướp giật tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12 của em Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 16/6/2011, có giá tại thời điểm chiếm đoạt là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Vào khoảng 19 giờ ngày 31/01/2023, tại khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q đã có hành vi cướp giật tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng Gold của em Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 16/5/2007, có giá tại thời điểm chiếm đoạt là 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và khoảng 08 giờ ngày 05/02/2023, tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q đã có hành vi trộm cắp tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G của chị Đồng Thị Diễm T4, sinh năm 1992, có giá tại thời điểm chiếm đoạt là 9.500.000 đồng (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Đồng thời công nhận nội dung bản cáo trạng số 12/CT-VKS-HS ngày 16/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q mức án tù 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù tội Cướp giật tài sản và 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Q phải chấp hành là 06 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/02/2023.

Ngoài ra vị còn đề nghị giải quyết bồi thường trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát bị cáo không tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Kiều T1 thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo mà vị Kiểm sát viên đã nêu. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại xin được nhận lại tài sản cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản cho bị hại và có mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Minh Đ1 thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo mà vị Kiểm sát viên đã nêu. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại xin được nhận lại tài sản cho bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản cho bị hại và giảm hình phạt cho bị cáo.

*Bị cáo nói lời sau cùng:* Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và rất hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Tòa án xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Chị Đồng Thị Diễm T4, ông Phạm Minh T5, ông Dương Văn C1, bà Phạm Thị N1, Dương Thị Thuỳ L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn H3, bà Lê Thị Đ2 vắng mặt không lý do. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã làm rõ lời khai, yêu cầu của những người này. Xét thấy, đương sự vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q khai nhận do không có tiền tiêu cá nhân, bị cáo Quý nảy sinh ý định điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ATTILA, biển số 71B1 -594.05 để tìm tài sản cướp giật, khoảng 13 giờ ngày 07/02/2023, tại dốc cầu Cống Quay thuộc ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q đã có hành vi giả vờ hỏi

đường và mượn điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12 của em Nguyễn Minh Đ1 trị giá 2.500.000 đồng để xem bản đồ. Sau đó, lợi dụng sơ hở của em Đ1 bị cáo điều khiển xe mô tô bỏ chạy để chiếm đoạt chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12. Khi về gần đến nhà, bị cáo Q dừng xe lại tháo sim và ốp lưng điện thoại vừa cướp giật được thì phát hiện lực lượng Công an đến nên bị cáo vứt bỏ thẻ sim và ốp lưng điện thoại bỏ chạy liền bị bắt giữ cùng tang vật. Đồng thời, quá trình Cơ quan điều tra làm việc bị cáo còn tự thú khai nhận ngoài thực hiện vụ cướp giật tài sản nêu trên thì vào khoảng 19 giờ ngày 31/01/2023, tại khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo còn thực hiện hành vi Cướp giật tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng Gold của em Nguyễn Kiều T1 có trị giá 6.500.000 đồng và khoảng 08 giờ ngày 05/02/2023, tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G của chị Đồng Thị Diễm T4, có giá 9.500.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C thu thập có được. Do vậy cáo trạng số 12/CT-VKS-HS ngày 16/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo điều khiển xe mô tô để cướp giật tài sản đối với các bị hại Nguyễn Kiều T1 đang ngồi sau trên xe mô tô đang lưu thông trên đường và Nguyễn Minh Đ1 đang ngồi trên xe đạp điện khi hai bị hại này chưa đủ 16 tuổi là thể hiện sự liều lĩnh, bất chấp gây nguy hiểm, cho tính mạng, sức khỏe của các bị hại. Hành vi phạm tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an trong Nhân dân. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét yếu tố về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[5] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Từ ngày 31/01/2023 đến ngày 07/02/2023, bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q liên tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản nên bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo tự thú hành vi Cướp giật điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX của em Nguyễn Kiều T1 vào ngày 31/01/2023 và hành vi Trộm cắp điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G của chị Đồng Thị Diễm T4 vào ngày 05/02/2023; quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại, người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những căn cứ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự thì: "5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, ..." và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì: "5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với ông Dương Văn C1 là chủ tiệm điện thoại di động M mua điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G và điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX từ bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q hoàn toàn không biết hai điện thoại trên do phạm tội mà có nên hành vi của ông C1 không cấu thành tội phạm.

[9] Đối với bà Phạm Thị N1 khi mua không biết điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G do phạm tội mà có nên không xử lý.

[10] Đối với bà Dương Thị Thuý L chủ tiệm vàng T, không biết số tiền bị cáo đặt nhẫn cưới là do phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

[11] Đối với ông Phạm Minh T5 không biết số tiền 2.000.0000 đồng bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q trả tiền chụp ảnh cưới là do bị cáo phạm tội mà có, nên hành vi không cấu thành tội phạm.

[12] Đối với chị Hồ Thị Yến N2 đã giao nộp số tiền 1.050.000 đồng (do ông Phạm Minh T5 đưa cho bà C2, bà C2 đưa lại chị) cho Cơ quan điều tra và không biết bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản nên hành vi không cấu thành tội phạm.

[13] Đối với bà Hồ Thị C2 không biết số tiền 1.050.000 đồng do ông T5 đưa bà là do bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

[14] *Về trách nhiệm dân sự*:

Các bị hại chỉ yêu cầu được nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét về bồi thường.

Ông Dương Văn C1 yêu cầu bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q hoàn trả lại 6.300.000 đồng là tiền ông giao cho bị cáo Q khi bị cáo Q bán điện thoại cho ông. Bị cáo Q đồng ý trả lại cho ông C1 số tiền có được từ việc bán điện thoại cho ông C1. Do đó, căn cứ các Điều 46, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 166 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q hoàn trả lại cho ông Dương Văn C1 số tiền 6.300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 3.270.000 đồng thu giữ được. Bị cáo Q còn phải trả tiếp cho ông Dương Văn C1 số tiền 3.030.000 đồng.

Ông Phạm Minh T5 yêu cầu bị cáo trả số tiền chụp ảnh cưới là 950.000 đồng. Xét yêu cầu của ông T5 đòi bị cáo Q trả tiền chụp ảnh cưới không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo và không liên trong vụ án này. Do đó ông T5 có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại khác về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, có căn cứ xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[16] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho các bị hại tài sản như sau:

- Nguyễn Kiều T1 điện thoại IPHONE XS MAX, màu vàng Gold, số IMEI 1: 353110102572518, số IMEI 2: 353110102667375, thẻ sim số 0783.973.720.

- Nguyễn Minh Đ1 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY A12, màu đen, số IMEI 1: 352884794224460; số IMEI 2: 353649454224467 và 01 (một) hộp điện thoại SAMSUNG GALAXY A12 bên trong hộp không có đồ vật, tài liệu, tài sản nào.

- Đồng Thị Diễm T4 01 (một) điện thoại OPPO Reno8 Z 5G màu đen, số IMEI 1: 868062062059358, số IMEI 2: 868062062059341 và 01 (một) hộp điện thoại OPPO Reno8 Z 5G bên trong hộp không có đồ vật, tài liệu, tài sản nào.

Trả lại cho Hồ Thị Yến N2 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 71B1 - 594.05, nhãn hiệu SYM, số loại ATTILA màu sơn đỏ - đen và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 71B1 - 594.05, nhãn hiệu SYM, số loại ATTILA màu sơn đỏ - đen, số khung: 12HĐA022051, số máy: VTBB022051, do N2 là vợ sắp cưới của bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q không biết bị cáo Q sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại cho ông Dương Văn C1 3.270.000 đồng (*Ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) (số tiền này quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Q 770.000 đồng, Hồ Thị Yến N2 1.050.000 đồng, ông Phạm Minh T5 950.000 đồng, bà Dương Thị Thuỳ L 500.000 đồng) và 01 (một) tờ giấy biên nhận do bà Phạm Thị N1, sinh năm 1961, nơi thường trú: khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh viết ngày 08/02/2023. Là số tiền mà bà N1 đã đưa cho ông C1 khi mua điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G (bản chính).

Trả lại cho bị cáo Q 01 (một) thẻ căn cước công dân tên Phạm Ngọc Nhân Q, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1997, nơi thường trú: Khóm 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số căn cước: 084097006974, cấp ngày 15 tháng 02 năm 2022 do đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo.

[17] Ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[18] Ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[19] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp miễn, giảm nộp tiền án phí nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo:** Phạm Ngọc Nhân Q phạm tội “*Cướp giết tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ Điều 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q mức án 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp giết tài sản.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q mức án 01 (một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/02/2023.

### **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự; năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q hoàn trả cho ông Dương Văn C1 3.270.000 đồng (*Ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho các bị hại tài sản như sau:

- Nguyễn Kiều T1 điện thoại IPHONE XS MAX, màu vàng Gold, số IMEI 1: 353110102572518, số IMEI 2: 353110102667375, thẻ sim số 0783.973.720.

- Nguyễn Minh Đ1 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY A12, màu đen, số IMEI 1: 352884794224460; số IMEI 2: 353649454224467 và 01 (một) hộp điện thoại SAMSUNG GALAXY A12 bên trong hộp không có đồ vật, tài liệu, tài sản nào.

- Đồng Thị Diễm T4 01 (một) điện thoại OPPO Reno8 Z 5G màu đen, số IMEI 1: 868062062059358, số IMEI 2: 868062062059341 và 01 (một) hộp điện thoại OPPO Reno8 Z 5G bên trong hộp không có đồ vật, tài liệu, tài sản nào.

Trả lại cho Hồ Thị Yến N2 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 71B1 – 594.05, nhãn hiệu SYM, số loại ATTILA màu sơn đỏ - đen và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 71B1 – 594.05, nhãn hiệu SYM, số loại ATTILA màu sơn đỏ - đen, số khung: 12HĐA022051, số máy: VTBB022051, do N2 là vợ sắp cưới của bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q không biết bị cáo Q sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại cho ông Dương Văn C1 3.270.000 đồng (*Ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) (số tiền này quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Q 770.000 đồng, Hồ Thị Yến N2 1.050.000 đồng, ông Phạm Minh T5 950.000 đồng, bà Dương Thị Thuỳ L 500.000 đồng) và 01 (một) tờ giấy biên nhận do bà Phạm Thị N1, sinh năm 1961, nơi thường trú: khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh viết ngày 08/02/2023. Là số tiền mà bà N1 đã đưa cho ông C1 khi mua điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8 Z 5G (bản chính).

Trả lại cho bị cáo Q 01 (một) thẻ căn cước công dân tên Phạm Ngọc Nhân Q, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1997, nơi thường trú: Khóm 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số căn cước: 084097006974, cấp ngày 15 tháng 02 năm 2022 do đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo.

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Bị cáo Phạm Ngọc Nhân Quý;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Nguyễn Thị Trang  
Đã ký**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09 /2023/TB - TA

Càng Long, ngày 05 tháng 5 năm 2023

**THÔNG BÁO  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/ HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh của Tòa án nhân dân huyện Càng Long có sai sót do lỗi đánh máy cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Tại dòng thứ 5 từ trên đếm xuống, trang 11 của Bản án đã ghi “ Buộc bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q hoàn trả cho ông Dương Văn C1 3.270.000 đồng (*Ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*)”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “ Buộc bị cáo Phạm Ngọc Nhân Q hoàn trả cho ông Dương Văn C1 3.030.000 đồng (*Ba triệu, không trăm, ba mươi nghìn đồng*)”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Nguyễn Thị Trang  
Đã ký**

